KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC KHÓA 35 (ĐỢT BỔ SUNG)

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM THI MÔN			ĐIỂM THI NG.NGỮ	ƯU TIÊN
				Môn 2	Môn 3	Tổng cộng		
I. Phân hiệu ĐHĐN tại Kontum								
	Quản trị kinh doanh							
1	CH112	LÊ QUANG CHÍNH	07/08/1980	8.00	8.50	16.50	93.50	x
2	CH113	ĐỖ THỊ NGỌC DIỄM	14/04/1994	8.50	6.50	15.00	84.00	
3	CH114	BÙI TẤN ĐẠT	30/04/1980	6.75	7.00	13.75	92.50	x
4	CH115	LÊ THỊ HÀ	25/05/1989	9.00	7.50	16.50	96.00	x
5	CH116	PHẠM THỊ MỸ HÀ	06/03/1991	7.50	8.00	15.50	88.00	x
6	CH117	BÙI SỸ HƯNG	16/10/1984	9.00	7.50	16.50	92.00	x
7	CH118	HỒ THANH LƯỢM	20/06/1979	9.25	6.50	15.75	91.00	x
8	CH119	A MÃO	09/06/1987	6.50	7.00	13.50	88.50	x
9	CH120	ĐỖ TRỌNG NGUYÊN	03/09/1990	8.50	8.00	16.50	96.00	x
10	CH121	VÕ CHẾ THẢO NGUYÊN	07/12/1992	9.50	8.00	17.50	101.00	x
11	CH122	VÕ VĂN NHƠN	13/02/1989	6.00	6.00	12.00	82.00	x
12	CH123	NGUYỄN BÁ KHÁNH NHỰT	21/01/1990	8.50	8.00	16.50	97.50	x
13	CH124	NGUYỄN HOA VŨ OANH	04/06/1992	9.00	7.00	16.00	91.50	
14	CH126	THÁI THỊ TẬP	06/02/1983	6.50	6.00	12.50	98.00	x
15	CH127	CAO XUÂN TÂN	20/08/1981	7.00	7.00	14.00	95.50	x
16	CH128	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	05/08/1982	6.50	6.00	12.50	96.50	x
17	CH129	TRẦN THỊ THANH THANH	10/09/1987	8.00	7.50	15.50	106.00	x
18	CH130	TRẦN NGỌC THANH	17/01/1986	7.00	5.50	12.50	85.50	
19	CH131	PHAN HOÀNG THOẠI	05/05/1989	6.50	6.00	12.50	M	x
20	CH132	PHẠM TRÍ THỨC	30/04/1978	7.50	6.00	13.50	97.50	x
21	CH133	NGUYỄN VĂN TRUNG	02/01/1980	8.50	7.50	16.00	60.50	x
22	CH155	VI HỮU TRUNG	11/09/1975	7.50	7.00	14.50	89.00	x
	Tài chính - Ngân hàng							
1	CH135	A VĂN BÂY	21/12/1982	7.00	7.25	14.25	88.00	x
2	CH137	LÊ MINH ĐỨC	06/10/1988	7.50	8.25	15.75	91.50	x
3	CH138	NGUYỄN THÀNH GIÁC	16/08/1988	6.00	7.00	13.00	85.50	x
4	CH140	ĐỖ THỊ HỒNG	04/12/1986	8.00	7.50	15.50	90.50	x
5	CH141	NGUYỄN TRỌNG HƯNG	17/10/1994	7.00	6.50	13.50	80.00	
6	CH142	TRIỆU THỊ THU HƯỜNG	26/08/1978	7.00	7.75	14.75	88.50	x
7	CH143	NGUYỄN THÀNH LUÂN	28/12/1985	7.00	6.75	13.75	87.00	x
8	CH144	NGUYỄN THỊ KHÁNH LY	06/04/1990	8.50	7.75	16.25	M	x
9	CH145	NGUYỄN XUÂN NHÂN	20/06/1981	6.50	7.00	13.50	99.50	x
10	CH146	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	17/10/1991	8.50	8.00	16.50	96.50	x
11	CH147	PHẠM HỮU PHÚC	22/04/1975	8.00	7.25	15.25	94.00	x
12	CH149	DƯƠNG XUÂN TÝ	04/08/1981	6.00	6.75	12.75	88.50	x
13	CH150	TRẦN THỊ THANH THẢO	20/12/1992	7.25	8.25	15.50	M	x
14	CH151	PHẠM THỊ THU	22/06/1992	6.75	7.00	13.75	89.50	x
15	CH152	PHẠM THÙY TRANG	24/03/1990	8.00	7.75	15.75	96.00	x
16	CH153	TRẦN THỊ MAI TRÂM	07/04/1994	9.00	7.50	16.50	82.00	
17	CH154	PHAN VĂN TRUNG	19/05/1979	8.50	6.75	15.25	91.00	x
	Kế toán							
1	CH156	HOÀNG DUY CƯỜNG	19/07/1982	7.75	8.00	15.75	92.00	x
2	CH157	HỒ THỊ BÍCH CHÂU	06/02/1987	7.00	6.00	13.00	87.00	x

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM THI MÔN			ĐIỂM THI NG.NGỮ	ƯU TIÊN
				Môn 2	Môn 3	Tổng cộng		
3	CH158	ĐỖ THỊ HIỀN	16/01/1978	5.50	6.50	12.00	83.00	x
4	CH159	NGUYỄN THỊ KIM HOA	16/08/1988	7.00	6.00	13.00	94.50	x
5	CH160	VÕ THỊ HÒA	12/02/1974	6.50	6.00	12.50	106.50	x
6	CH162	VÕ ĐÌNH HUY	10/01/1980	8.25	7.50	15.75	97.00	x
7	CH163	ĐẶNG THỊ THU HƯƠNG	19/12/1991	7.00	6.50	13.50	93.50	
8	CH165	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	10/08/1985	7.50	7.50	15.00	106.50	x
9	CH166	TRẦN TẤN LỘC	03/03/1976	9.50	8.00	17.50	91.00	x
10	CH167	PHAN THỊ THẢO NGUYÊN	20/04/1989	6.00	6.50	12.50	106.00	x
11	CH168	NGUYỄN HỮU NHÂN	02/02/1991	6.75	6.50	13.25	89.50	x
12	CH170	NGUYỄN HOA VŨ QUYÊN	12/07/1987	6.50	7.50	14.00	99.00	x
13	CH171	NGUYỄN THỊ MINH TÂM	02/11/1987	8.00	8.00	16.00	89.00	x
14	CH172	HUỲNH NGỌC TÌNH	20/11/1979	8.50	8.00	16.50	93.00	x
15	CH173	NGUYỄN THANH TÙNG	05/06/1987	7.50	8.50	16.00	91.00	x
16	CH174	BÙI ĐỨC BÁ THÀNH	01/06/1992	7.00	7.00	14.00	85.00	x
17	CH175	NGUYỄN THỊ NGỌC THÚY	20/05/1991	8.00	8.50	16.50	95.00	x
18	CH176	LÊ ĐÌNH TRỌNG	21/09/1971	7.50	8.50	16.00	91.50	x
19	CH177	TRẦN THỊ THẢO VY	03/02/1990	7.00	8.00	15.00	95.50	x
	Quản lý kinh tế							
1	CH178	ĐỖ THỊ ÁNH	26/10/1983	9.00	9.00	18.00	89.50	x
2	CH179	VÕ VĂN ĐẠT	01/05/1990	9.00	8.50	17.50	86.00	x
3	CH180	NGUYỄN THỊ BÍCH ĐIỆP	06/11/1988	9.50	9.00	18.50	74.00	x
4	CH181	TRẦN VĂN ĐÔNG	20/04/1967	8.25	9.00	17.25	90.50	x
5	CH182	VŨ THỊ HƯƠNG GIANG	30/03/1983	8.75	9.00	17.75	84.50	x
6	CH183	VƯƠNG TRÍ HẢI	08/06/1990	8.50	6.50	15.00	79.00	x
7	CH184	NGUYỄN TRẦN HỒNG HẰNG	23/04/1983	8.00	5.00	13.00	74.00	x
8	CH185	HOÀNG THỊ DIỆU HIỀN	19/10/1989	8.75	8.50	17.25	81.00	x
9	CH186	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	01/12/1994	9.00	7.50	16.50	76.00	
10	CH187	PHẠM NGỌC HIỂN	19/05/1982	7.75	8.00	15.75	78.00	x
11	CH188	CÁP VĂN HOÀNG	10/04/1978	8.00	7.50	15.50	85.00	x
12	CH189	ĐINH THỊ HỒNG	26/10/1985	7.00	8.00	15.00	75.00	x
13	CH190	A HỎI (A HƠN)	11/02/1981	7.00	8.00	15.00	76.00	x
14	CH191	NGUYỄN THỊ DIỆU HUYỀN	08/05/1986	9.00	9.00	18.00	83.00	x
15	CH192	TRẦN THỊ THU HUYỀN	22/09/1982	8.50	8.50	17.00	86.00	x
16	CH193	VŨ TUẤN KHANG	25/05/1975	8.00	9.00	17.00	73.50	x
17	CH194	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	15/03/1993	9.50	8.50	18.00	74.50	
18	CH195	TẠ VĂN LỰC	20/12/1975	8.50	9.00	17.50	88.00	x
19	CH196	NGUYỄN VĂN NAM	01/08/1984	8.50	8.00	16.50	M	x
20	CH197	TRƯƠNG THỊ HẠNH NGÂN	06/07/1988	9.00	10.00	19.00	94.50	x
21	CH198	ĐỒNG KIM NGÂN	05/09/1992	6.50	8.00	14.50	83.50	
22	CH199	PHAN TRỌNG NGHIỆP	04/05/1984	9.00	10.00	19.00	96.50	x
23	CH200	ĐỖ THỊ THẢO NGUYÊN	15/12/1989	8.50	9.00	17.50	M	x
24	CH201	NGÔ HỮU PHƯỚC	01/04/1974	8.75	8.50	17.25	93.50	x
25	CH202	DƯƠNG TUYẾT PHƯƠNG	23/09/1991	8.00	8.50	16.50	76.00	x
26	CH203	AN THỊ PHƯƠNG	20/10/1991	7.50	9.00	16.50	83.50	x
27	CH204	TRỊNH VĂN SANG	21/10/1969	9.50	9.00	18.50	M	x
28	CH205	NGUYỄN HOÀNG HỮU TÂN	15/08/1991	9.50	9.00	18.50	M	x
29	CH206	LÊ DANH TIẾN	02/09/1975	8.00	9.00	17.00	70.00	x

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM THI MÔN			ĐIỂM THI NG.NGỮ	ƯU TIÊN
				Môn 2	Môn 3	Tổng cộng		
30	CH207	LÊ MINH TÌNH	10/08/1988	7.50	8.50	16.00	79.50	x
31	CH208	ĐẶNG NGỌC TÌNH	02/09/1973	7.00	8.00	15.00	71.00	x
32	CH209	NGUYỄN THANH TOÀN	02/01/1993	8.50	9.00	17.50	M	x
33	CH210	DIỆP ANH TUẤN	31/08/1976	7.50	8.00	15.50	91.50	x
34	CH211	TRẦN ANH TUẤN	01/11/1983	9.00	10.00	19.00	M	x
35	CH212	NGUYỄN HỮU TUÂN	20/08/1976	7.50	9.00	16.50	75.50	x
36	CH213	PHAN VĂN TÙNG	08/10/1969	9.00	10.00	19.00	94.00	x
37	CH214	VŨ XUÂN THẮNG	11/08/1990	5.50	6.50	12.00	60.50	x
38	CH215	ĐINH THỊ THẮNG	04/05/1983	8.75	8.00	16.75	80.50	x
39	CH216	TRẦM DƯƠNG THANH	01/01/1972	7.50	8.50	16.00	90.50	x
40	CH217	Y THU	02/05/1983	8.00	8.00	16.00	97.00	x
41	CH218	NGUYỄN VĂN THỦY	21/01/1978	8.50	8.00	16.50	101.50	x
42	CH219	NGUYỄN KIỀU THƯƠNG	26/12/1990	7.50	8.50	16.00	95.50	x
43	CH220	A BRAO LY VA	18/10/1989	4.75	6.50	11.25	89.50	x
44	CH221	VÕ ĐÌNH VIỆT	12/09/1978	7.00	8.00	15.00	101.50	x
45	CH222	TRẦN NGỌC BẢO VY	08/03/1987	7.00	8.50	15.50	80.00	x
46	CH223	HOÀNG ĐỖ TƯỜNG VY	05/05/1990	6.50	7.50	14.00	83.50	x
47	CH224	DƯƠNG THỊ YÊN	08/08/1985	7.00	6.50	13.50	M	
II. Trường Đại học Tây Nguyên								
	Quản trị kinh doanh							
1	CH225	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	20/04/1985	9.50	8.00	17.50	99.50	x
2	CH226	NGUYỄN THỊ THÚY DIỄM	18/09/1991	9.25	7.00	16.25	92.00	
3	CH227	HOÀNG HÙNG HẢI	14/03/1986	8.50	7.00	15.50	97.50	x
4	CH228	VŨ HOÀNG HẢI	09/04/1990	8.00	6.50	14.50	90.50	x
5	CH230	NGUYỄN VĂN HIỆP	27/11/1993	8.00	7.50	15.50	91.00	
6	CH231	NGUYỄN TẤN HIỆU	29/03/1983	7.50	6.50	14.00	96.00	x
7	CH232	LƯƠNG THỊ BÍCH HOÀ	03/07/1984	6.50	7.00	13.50	93.00	x
8	CH233	NGUYỄN PHÚC HUY	11/09/1988	9.00	6.00	15.00	98.00	x
9	CH234	PHẠM THỊ THÁI LINH	12/09/1990	9.00	7.00	16.00	91.50	x
10	CH235	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	06/02/1989	8.75	8.50	17.25	95.00	x
11	CH236	NGUYỄN THỊ TỐ QUYÊN	08/06/1984	8.75	8.00	16.75	100.50	x
12	CH237	LÊ THỊ TÌNH	31/07/1988	8.50	7.50	16.00	89.50	x
13	CH238	TRẦN THỊ TÚ	02/02/1987	8.25	6.00	14.25	91.00	x
14	CH239	TRẦN ANH TUẤN	12/04/1982	8.75	6.00	14.75	94.50	x
15	CH240	ĐẬU ANH TUẤN	19/08/1992	8.00	6.50	14.50	M	
16	CH241	PHAN NGUYỄN ANH TUẤN	10/10/1989	8.50	7.00	15.50	97.00	x
17	CH242	VŨ ĐỨC TUÂN	08/06/1981	8.50	8.50	17.00	94.50	x
18	CH243	NGUYỄN ĐỨC THANH	02/01/1988	7.75	6.50	14.25	94.00	x
19	CH244	HUỲNH NGỌC THANH	16/07/1976	8.00	7.50	15.50	83.50	x
20	CH245	CAO HỮU VŨ THÀNH	15/08/1985	8.50	7.00	15.50	88.50	x
21	CH246	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	02/10/1992	7.75	5.00	12.75	84.50	
22	CH247	ĐẶNG VŨ THUỲ TRANG	14/07/1993	8.25	6.00	14.25	81.50	
23	CH248	DƯƠNG THỊ BÍCH TRÂM	02/06/1978	6.50	6.00	12.50	93.50	x
24	CH249	NGUYỄN TÔN VĂN	18/06/1981	5.00	6.00	11.00	99.50	x
	Tài chính - Ngân hàng							
1	CH250	VÕ THỊ KIM ANH	02/03/1985	6.00	6.75	12.75	99.00	x
2	CH251	TẠ THỊ THUÝ ANH	17/11/1994	5.25	6.00	11.25	81.00	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM THI MÔN			ĐIỂM THI NG.NGỮ	ƯU TIÊN
				Môn 2	Môn 3	Tổng cộng		
3	CH252	PHẠM GIA BẢO	04/08/1991	7.50	7.50	15.00	96.00	x
4	CH253	PHẠM VĂN CẢNH	22/12/1979	6.50	7.00	13.50	91.00	x
5	CH254	VĂN THANH CƯỜNG	06/02/1974	6.50	6.50	13.00	88.50	x
6	CH255	BÙI TIẾN ĐẠT	08/03/1991	8.25	7.50	15.75	95.00	x
7	CH256	NGUYỄN BẰNG GIANG	16/09/1976	7.50	6.75	14.25	87.50	x
8	CH257	HỒ THỊ THU HÀ	19/01/1982	7.00	6.75	13.75	83.00	x
9	CH258	ĐẶNG THỊ THÚY HÀ	20/12/1987	9.25	8.75	18.00	91.00	x
10	CH259	HỒ BẰNG HẢI	02/04/1965	6.00	7.00	13.00	91.00	x
11	CH260	QUẢN THỊ THUÝ HẰNG	08/04/1990	8.00	9.00	17.00	97.50	x
12	CH261	ĐINH QUỐC HOÀNG	20/07/1986	8.00	7.00	15.00	77.00	x
13	CH262	VÕ THỊ HỒNG	20/10/1992	6.50	7.00	13.50	78.50	
14	CH263	ĐINH TIẾN HÙNG	25/07/1991	7.50	7.00	14.50	100.50	x
15	CH264	VŨ THỊ THU HƯƠNG	18/05/1989	6.50	6.50	13.00	81.50	x
16	CH265	LÊ THỊ KIM	06/06/1983	8.50	7.50	16.00	63.00	x
17	CH266	TẠ THỊ THU LAN	17/12/1984	7.50	8.50	16.00	98.50	x
18	CH267	TẠ DIỆU MINH	16/02/1987	7.00	8.00	15.00	83.50	x
19	CH268	PHẠM HỒNG MINH	27/07/1990	6.25	7.50	13.75	84.00	x
20	CH269	HUỲNH NGỌC LÊ MINH	09/02/1991	5.50	6.00	11.50	81.00	
21	CH270	ĐỖ THỊ DIỄM MY	05/12/1989	7.50	7.00	14.50	85.00	x
22	CH271	NGUYỄN VĂN NGHĨ	09/08/1988	7.00	8.00	15.00	67.50	x
23	CH272	NGUYỄN NGHIÊM	11/03/1988	4.00	7.50	11.50	87.50	x
24	CH273	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	01/09/1991	8.00	8.50	16.50	91.00	x
25	CH274	VÕ TRẦN CẨM NHUNG	30/11/1993	8.00	7.00	15.00	80.00	
26	CH275	ĐẶNG CHÍ QUYẾT	08/04/1989	7.50	8.50	16.00	88.00	x
27	CH276	LƯƠNG ĐỨC SINH	08/08/1991	7.00	7.00	14.00	85.00	x
28	CH277	NGUYỄN NGỌC SƠN	17/02/1990	7.50	8.50	16.00	89.50	x
29	CH278	MAI ANH TUẤN	22/05/1979	7.50	8.00	15.50	82.50	x
30	CH279	PHẠM THANH TUẤN	20/12/1990	8.00	8.00	16.00	72.50	x
31	CH280	PHAN THỊ HỒNG THƠ	03/11/1991	6.50	6.00	12.50	83.50	x
32	CH281	LÊ THỊ THANH THUỶ	14/02/1988	6.00	6.50	12.50	73.50	x
III. Trường Đại học Phạm Văn Đồng								
	Kinh tế phát triển							
1	CH032	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	07/08/1991	8.50	8.00	16.50	87.00	
2	CH033	VÕ DUY CHƯƠNG	24/08/1991	9.00	6.00	15.00	88.50	
3	CH034	HÀ THỊ KIM DIỆU	02/07/1981	8.75	8.50	17.25	91.00	
4	CH035	ĐOÀN THỊ QUỲNH DUNG	20/10/1976	8.25	7.00	15.25	87.50	
5	CH036	BÙI THỊ ĐOAN DUNG	11/06/1986	9.25	7.50	16.75	81.00	
6	CH037	TRẦN THỊ KHÁNH DUYÊN	08/08/1989	9.00	9.00	18.00	91.00	
7	CH038	VÕ THỊ MỘNG ĐIỆP	20/04/1988	8.00	8.00	16.00	79.00	
8	CH039	TRẦN THỊ NGỌC HIỀN	08/12/1994	9.00	7.00	16.00	82.50	
9	CH040	PHẠM THỊ MINH HIỀN	10/04/1974	8.25	7.00	15.25	75.50	
10	CH041	ĐINH MINH HIẾU	27/07/1986	8.25	7.50	15.75	76.50	
11	CH043	TRẦN THỊ NGỌC HƯƠNG	24/02/1986	8.75	7.50	16.25	M	
12	CH044	PHẠM THỊ MINH HƯƠNG	29/12/1976	7.50	8.50	16.00	83.00	
13	CH045	ĐINH VĂN LÂM	20/08/1970	9.25	8.50	17.75	89.00	x
14	CH047	HUỲNH THỊ NGỌC NGA	03/01/1982	8.25	8.00	16.25	92.00	
15	CH048	TRẦN BẢO NGÂN	14/08/1991	9.25	8.00	17.25	85.00	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM THI MÔN			ĐIỂM THI NG.NGỮ	ƯU TIÊN
				Môn 2	Môn 3	Tổng cộng		
16	CH049	NGUYỄN THỊ HỒNG NGHI	08/06/1989	9.00	9.00	18.00	92.00	x
17	CH050	NGUYỄN VIẾT NGHĨA	13/10/1979	8.75	8.00	16.75	87.00	
18	CH051	NGUYỄN CÁT PHƯƠNG NHI	17/07/1993	9.00	8.00	17.00	82.50	
19	CH052	VŨ THỊ QUỲNH NHU	06/09/1982	8.75	7.50	16.25	84.00	
20	CH055	LÊ THỊ ÁNH TUYẾT	09/10/1978	8.25	7.50	15.75	75.00	
21	CH056	LÊ HOÀI THANH	06/04/1990	8.00	8.00	16.00	81.50	
22	CH057	LÊ HOÀI THẢO	15/08/1989	9.00	8.00	17.00	83.00	
23	CH058	LÊ HỒNG THƯ	23/12/1989	9.25	7.50	16.75	88.50	
24	CH059	HUỲNH THỊ DIỄM TRINH	21/10/1989	9.00	7.50	16.50	84.00	
25	CH060	TRẦN KIM TRỌNG	09/09/1973	8.25	8.50	16.75	M	
26	CH061	ĐẶNG THỊ BẢO VÂN	08/08/1983	9.25	8.50	17.75	89.50	
	Kế toán							
1	CH062	TRẦN THỊ MỸ ÁI	02/11/1988	7.00	7.00	14.00	80.50	
2	CH063	PHAN CAO HÀ ÂN	07/04/1988	7.00	7.25	14.25	87.00	
3	CH064	NGUYỄN VĂN BA	24/07/1969	3.50	7.50	11.00	82.00	
4	CH065	VÕ ĐÌNH CẢNH	10/06/1981	3.75	5.50	9.25	79.00	
5	CH066	LÊ TẤN CÔNG	17/07/1978	5.00	7.50	12.50	M	
6	CH067	NGUYỄN KHÁNH DIỄM	18/08/1991	6.25	6.00	12.25	73.50	
7	CH068	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	08/06/1992	6.25	7.75	14.00	87.00	
8	CH069	PHẠM THỊ NGỌC GIANG	11/03/1991	5.50	7.00	12.50	83.00	
9	CH070	VY THỊ ÁI HÀ	14/02/1991	5.25	6.25	11.50	89.00	
10	CH071	NGUYỄN THỊ MỸ HÀ	19/11/1991	6.00	7.50	13.50	84.50	
11	CH072	PHẠM THỊ BÍCH HÀ	11/01/1975	6.00	8.00	14.00	84.50	
12	CH073	TRẦN QUỐC HẢI	01/01/1973	3.75	8.00	11.75	78.00	
13	CH074	ĐỖ THỊ MINH HẢI	14/11/1981	5.50	6.25	11.75	90.50	
14	CH075	BÙI THU HẰNG	04/11/1975	6.50	8.25	14.75	86.50	
15	CH076	ĐOÀN VŨ THU HIỀN	03/02/1993	5.00	7.00	12.00	87.50	
16	CH077	TẠ THỊ THU HIỀN	05/10/1989	6.00	7.00	13.00	86.00	
17	CH079	LÊ THANH HOÀNG	30/11/1988	6.00	7.50	13.50	86.50	
18	CH080	NGUYỄN TRƯỜNG HUY	16/11/1982	5.00	6.50	11.50	86.50	
19	CH081	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	11/12/1991	7.00	8.75	15.75	88.00	
20	CH082	NGUYỄN THANH HƯNG	10/05/1981	5.25	7.00	12.25	83.00	
21	CH083	LÊ DƯƠNG MINH KHANG	20/09/1992	5.50	8.25	13.75	83.50	
22	CH084	ĐỖ THỊ MI LY	20/11/1986	5.50	5.50	11.00	87.50	
23	CH085	NGUYỄN THỊ TRÀ MI	03/07/1988	5.50	7.25	12.75	84.00	
24	CH086	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGA	11/11/1986	5.50	7.25	12.75	90.00	
25	CH088	HOÀNG THỊ BÍCH NGỌC	23/03/1981	7.50	8.00	15.50	M	x
26	CH089	NGUYỄN THỊ THU NGUYỆT	23/08/1983	3.50	8.00	11.50	79.50	
27	CH090	HUỲNH THỊ THÙY NHÂN	04/11/1979	5.50	7.25	12.75	79.50	
28	CH091	NGÔ DUY NHẤT	10/02/1979	7.25	8.00	15.25	82.00	
29	CH092	VÕ THỊ PHÁT	20/07/1982	7.00	8.50	15.50	77.50	
30	CH093	NGUYỄN VĂN QUANG	02/02/1988	6.50	8.00	14.50	81.00	
31	CH094	TRẦN HUỲNH TRÂM QUỲNH	10/01/1994	6.00	8.00	14.00	79.50	
32	CH096	HUỲNH THỊ THANH TÚ	28/03/1989	7.75	7.50	15.25	83.50	
33	CH097	LÊ THỊ THANH TUYỀN	21/04/1986	5.50	8.50	14.00	M	
34	CH098	LÊ ĐẠI THẮNG	04/05/1974	7.75	7.50	15.25	84.00	
35	CH099	THẠCH CẢNH THỐNG	02/06/1981	5.00	8.00	13.00	81.00	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM THI MÔN			ĐIỂM THI NG.NGỮ	ƯU TIÊN
				Môn 2	Môn 3	Tổng cộng		
36	CH100	HUỲNH MINH THU	12/02/1985	5.00	8.00	13.00	68.50	
37	CH102	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	18/09/1986	6.50	8.25	14.75	80.00	
38	CH103	NGUYỄN THU TRÂM	20/06/1989	5.75	8.25	14.00	84.00	
39	CH104	PHAN THỊ TRINH	12/01/1991	7.00	7.25	14.25	84.00	
40	CH105	BÙI THỊ ÁI VÂN	18/07/1992	6.50	8.50	15.00	85.00	
41	CH106	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	27/07/1988	6.00	7.00	13.00	85.50	x
42	CH107	TRẦN THỊ TƯỜNG VI	01/02/1985	5.00	8.25	13.25	78.50	
43	CH108	DƯƠNG HOÀNG VI	10/12/1985	6.50	7.75	14.25	M	
44	CH109	LÊ THỊ VĨ	04/07/1989	6.75	7.00	13.75	78.00	
45	CH110	LÊ TRÍ VIỄN	09/02/1992	5.25	7.25	12.50	76.50	
46	CH111	LÊ THỊ HỒNG VIỀN	28/09/1992	7.00	7.75	14.75	99.00	x
	Kỹ thuật cơ khí							
1	CH003	LÊ VĂN DƯƠNG	28/01/1992	8.00	8.75	16.75	90.00	
2	CH004	PHAN THÀNH ĐIỆP	20/09/1991	6.00	6.50	12.50	83.50	
3	CH005	ĐINH LÊ TRUNG HIẾU	12/06/1994	5.75	8.00	13.75	95.00	
4	CH006	ĐỖ MINH KỲ	31/01/1992	7.50	9.00	16.50	93.50	
5	CH007	NGUYỄN XUÂN KHẢI	28/11/1987	7.00	7.75	14.75	85.50	
6	CH008	NGÔ MINH KHÔI	07/07/1984	5.75	7.00	12.75	91.50	
7	CH009	PHẠM ĐÌNH LÀNH	25/02/1990	6.50	8.50	15.00	92.00	
8	CH010	HỒ VIẾT NHẬT	14/12/1988	7.75	8.25	16.00	93.50	
9	CH011	VÕ VĂN TÍN	04/03/1978	6.25	5.75	12.00	91.00	
10	CH013	VÕ VĂN THANH	02/01/1991	6.25	8.00	14.25	83.50	
11	CH014	ĐINH PHƯỚC THẢO	16/01/1993	6.00	6.75	12.75	83.50	
12	CH015	NGUYỄN TẤN THỊNH	12/12/1983	7.00	8.00	15.00	92.50	
13	CH016	HỒ KHẢ THỤY	15/06/1986	6.00	7.50	13.50	86.00	
	Kỹ thuật cơ khí động lực							
1	CH017	NGUYỄN BÁ CHÂU	02/01/1984	8.00	9.25	17.25	89.50	
2	CH018	TRƯƠNG DŨNG	04/08/1988	6.50	8.25	14.75	93.50	
3	CH019	NGUYỄN NGỌC HÒA	06/12/1979	7.75	8.25	16.00	88.00	
4	CH020	ĐỖ XUÂN HUY	09/05/1988	6.75	7.00	13.75	87.00	
5	CH021	PHẠM MINH LIÊU	20/07/1990	6.75	6.50	13.25	82.50	
6	CH022	NGUYỄN ĐÌNH OANH	01/02/1987	7.50	8.50	16.00	83.00	
7	CH023	PHẠM TẤN	15/01/1985	7.25	6.75	14.00	84.50	
8	CH024	LÊ CÔNG TÍN	10/01/1991	7.50	9.50	17.00	91.50	
9	CH025	VÕ NHƯ TÙNG	12/03/1985	7.00	7.50	14.50	91.50	
10	CH026	NGUYỄN TƯỜNG	03/03/1989	6.50	8.50	15.00	93.00	
11	CH027	TRẦN THANH THÁI	01/01/1991	7.75	8.00	15.75	92.00	
12	CH028	TRƯƠNG TRƯỜNG THỊNH	12/01/1988	7.00	8.50	15.50	86.00	
13	CH029	BÙI TRẦN NHÂN TRÍ	09/06/1979	7.50	8.50	16.00	90.00	
14	CH030	TRẦN ĐÌNH TRỌNG	25/07/1992	7.50	8.75	16.25	84.50	
15	CH031	NGUYỄN NGỌC TRUNG	28/06/1989	8.00	8.50	16.50	90.00	
IV. Trường Đại học Trà Vinh								
	Kỹ thuật xây dựng công trình DD và CN							
1	CH282	PHÓ PHONG THÁI AN	19/09/1991	7.50	10.00	17.50	90.00	x
2	CH283	ĐÀM THIÊN ÂN	24/09/1984	8.50	10.00	18.50	69.50	x
3	CH284	LÊ ĐỨC BÌNH	01/01/1982	6.25	10.00	16.25	76.50	
4	CH285	LÂM HỮU DŨNG	10/09/1970	6.00	10.00	16.00	68.00	

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM THI MÔN			ĐIỂM THI NG.NGỮ	ƯU TIÊN
				Môn 2	Môn 3	Tổng cộng		
5	CH287	NGUYỄN VĂN HÙNG	10/10/1976	8.25	10.00	18.25	81.50	x
6	CH288	DƯƠNG PHƯƠNG KHANH	13/06/1989	8.25	10.00	18.25	82.50	x
7	CH289	DƯƠNG VŨ LINH	01/01/1982	8.00	9.75	17.75	75.50	x
8	CH291	HÀN MINH PHÚC	18/06/1983	8.25	9.75	18.00	83.00	x
9	CH293	LÊ QUANG RĂNG	20/07/1967	7.00	9.00	16.00	68.00	x
10	CH294	SƠN TANA	19/01/1979	8.25	9.75	18.00	M	x
11	CH295	TRẦN MINH TÂM	13/11/1978	8.50	10.00	18.50	80.00	x
12	CH296	NGUYỄN VĂN TÂM	04/07/1969	8.25	10.00	18.25	M	x
13	CH297	HUỲNH HỮU TƯỜNG	10/10/1993	8.00	9.75	17.75	87.50	
14	CH299	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM	15/07/1993	7.00	9.50	16.50	82.50	
15	CH300	TRẦN QUỐC VŨ	30/10/1979	7.75	10.00	17.75	M	x